

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 739 /ĐA-ĐHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021

(Theo mẫu Phụ lục tại Thông tư số 09/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Giới thiệu:

Tên trường : Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (BUH)

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (BUH) là trường đại học công lập, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Với lịch sử 45 năm xây dựng và phát triển, Trường đã trở thành một trong những trường đại học hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, kinh doanh, quản lý, luật, ngôn ngữ, công nghệ... Trường là cái nôi đào tạo nhiều thế hệ chuyên gia, nhà quản lý, doanh nhân thành đạt.

SỨ MỆNH: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cung cấp cho xã hội và ngành ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và các hoạt động phục vụ cộng đồng. BUH kiến tạo hệ sinh thái giáo dục, mang đến cơ hội và kỹ năng học tập suốt đời hướng đến phát triển con người toàn diện, sáng tạo, với tinh thần phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân.

TẦM NHÌN: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh định hướng trở thành đại học đa ngành và liên ngành nằm trong nhóm các đại học hàng đầu khu vực và châu lục trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, pháp luật, xã hội và nhân văn. Chúng tôi tiên phong trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh, quản lý và tiên phong trong giải quyết các vấn đề liên ngành.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Chính trực (Honesty and Integrity): Sự chính trực luôn hàm chứa sự trung thực trong mọi hành động. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh luôn nhất quán giữa tư duy - lời nói - hành động.

Đoàn kết (Unity): Đoàn kết tạo nên sự thống nhất để có sức mạnh tổng hợp. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh lấy phương châm đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên có liên quan để cùng nhau phát triển.

Tiên phong (Being the Pioneer): Tiên phong để tạo ra và dẫn dắt xu hướng. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tiên phong trong ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản lý, điều hành.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC:

Khai phóng: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tạo điều kiện cho người học tự khai phá tiềm năng của bản thân; lĩnh hội kiến thức chuyên môn sâu của ngành học trên nền tảng kiến thức rộng của các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, chính trị, luật pháp và công nghệ,...; phát triển năng lực trí tuệ; phát triển các kỹ năng cá nhân và định hình các giá trị sống tích cực hướng tới con người tự chủ và sáng tạo, chuyên gia ưu tú, công dân có trách nhiệm.

Liên ngành: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tạo điều kiện để người học có những kiến thức liên ngành nhằm hiểu sâu sắc hơn về ngành chính của mình, có khả năng liên kết các chuyên gia, tránh được những thiên kiến trong việc ra quyết định, gia tăng cơ hội việc làm.

Trải nghiệm: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh triển khai mô hình đào tạo “trưởng thành qua trải nghiệm”. Qua trải nghiệm người học sẽ hiểu biết sâu sắc hơn về lý thuyết, hình thành tư duy thực tiễn, năng lực thực thi từ đó thích nghi và cải tạo với môi trường.

* Địa chỉ các trụ sở :

- **TRỤ SỞ CHÍNH:** 36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **CƠ SỞ HÀM NGHI:** 39 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- **CƠ SỞ HOÀNG DIỆU:** 56 Hoàng Diệu 2, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

* Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: <http://buh.edu.vn>

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2020

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo		Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành VII	
I	Chính quy			
1	Sau đại học			
1.1	Tiến sĩ			

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo		Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành VII	
1.1.1	Tài chính - Ngân hàng	81		81
1.2	Thạc sĩ			
1.2.1	Tài chính - Ngân hàng	362		362
1.2.2	Quản trị kinh doanh	72		72
1.2.3	Luật kinh tế	37		37
2	Đại học			
2.1	Chính quy	9033	2050	11083
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên			
2.1.1.1	Tài chính - Ngân hàng	4168		4168
2.1.1.2	Kế toán	1452		1452
2.1.1.3	Hệ thống thông tin quản lý	673		673
2.1.1.4	Quản trị kinh doanh	2164		2164
2.1.1.5	Luật kinh tế	576		576
2.1.1.6	Kinh tế quốc tế		1034	1034
2.1.1.7	Ngôn ngữ Anh		928	928
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên			
2.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy			
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy			
2.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học trở lên			
2.4.1	Ngôn ngữ Anh		88	88
II	Vừa làm vừa học			
1	Đại học	865	55	920
1.1	Vừa làm vừa học	318		318
1.1.1	Tài chính - Ngân hàng	248		248
1.1.2	Kế toán	70		70
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học			
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học	450		450
1.3.1	Tài chính - Ngân hàng	244		244
1.3.2	Kế toán	119		119
1.3.3	Quản trị kinh doanh	87		87
1.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học	97	55	152
1.4.1	Tài chính - Ngân hàng	53		53

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo		Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành VII	
1.4.2	Kế toán	44		44
1.4.3	Ngôn ngữ Anh		55	55
2	Cao đẳng ngành giáo dục mầm non			

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2019, Trường tuyển sinh hệ Đại học chính quy bằng một phương thức duy nhất là xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia.

Năm 2020, ngoài phương thức xét tuyển dựa trên kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT, Trường sử dụng thêm phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ THPT và kết quả điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT Quốc gia)

STT	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Khối ngành III						
	Tài chính – Ngân hàng (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	700	763	21.75	800	827	24.85
	Kế toán (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	270	283	21.90	300	302	24.91
	Quản trị kinh doanh (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	330	337	22.50	360	363	25.24
	Hệ thống thông tin quản lý (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	200	196	21.20	200	225	24.65
	Luật kinh tế (Tổ hợp: A00, A01, C00, D01)	170	169	21.30	190	200	24.75

	Chương trình cử nhân Chất lượng cao (Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kế toán) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	650	682	20.15	750	832	22.3
	Chương trình đại học chính quy quốc tế cấp song bằng (Quản trị kinh doanh, Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng) (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	100	72	15.56	150	84	22.3
2	Khối ngành VII						
	Kinh tế quốc tế (Tổ hợp: A00, A01, D01, D07)	300	304	22.80	250	281	25.54
	Ngôn ngữ Anh (Tổ hợp: A01, D01, D14, D15)	280	274	22.30	250	257	24.44
	Tổng	3000	3080		3250	3371	

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 110.000 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 2.216 chỗ
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 4.19 m²/1 sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	160	41,826
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2,167
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	800
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	121	35,099
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	15	1,407

1.5	Số phòng học đa phương tiện	4	417
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	15	1,936
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3,402
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	1,184
	Tổng	171	46,412

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng LAB1 (201)	- Máy chiếu 01 bộ - Máy tính 62 bộ - Headphone 62 bộ - Webcam 62 bộ - Camera 04 bộ - Hệ thống âm thanh 01 bộ - Bảng từ, bàn ghế GV, SV - Máy lạnh 04 bộ	- Khối ngành III và VII
2.	Phòng LAB2 (202)	- Máy chiếu 01 bộ - Máy tính 50 bộ - Headphone 50 bộ - Webcam 50 bộ - Camera 04 bộ - Hệ thống âm thanh 01 bộ - Bảng từ, bàn ghế GV, SV - Máy lạnh 03 bộ	- Khối ngành III và VII
3.	Phòng LAB3 (203)	- Máy chiếu 01 bộ - Máy tính 18 bộ - Headphone 18 bộ - Webcam 18 bộ - Camera 01 bộ - Hệ thống âm thanh 01 bộ - Bảng từ, bàn ghế GV, SV - Máy lạnh 01 bộ	- Khối ngành III và VII
4.	Phòng LAB4 (503)	- Máy chiếu 01 bộ - Máy tính 50 bộ - Headphone 50 bộ - Webcam 50 bộ - Camera 04 bộ - Hệ thống âm thanh 01 bộ - Bảng từ, bàn ghế GV, SV - Máy lạnh 03 bộ	- Khối ngành III và VII
5.	Phòng máy tính	- Máy chiếu 01 bộ	- Khối ngành III và VII

	GĐC (07 phòng) Trang thiết bị mỗi phòng	- Máy tính 50 bộ - Hệ thống âm thanh 01 bộ - Bàn từ, bàn ghế GV, SV - Máy lạnh 03 bộ	VII
6.	Phòng máy tính thực hành nghiệp vụ NHTM	- Máy chiếu 01 bộ - Máy tính 20 bộ - Hệ thống âm thanh 01 bộ - Bàn từ, bàn ghế GV, SV - Máy lạnh 03 bộ	- Khối ngành III và VII
7.	Phòng thực hành (CLB khởi nghiệp)	- Máy chiếu 01 bộ - Máy tính 02 bộ - Máy in 01 - Bàn ghế làm việc 03 bộ - Máy lạnh 03 bộ - Bàn ghế hội thảo 20 bộ	- Khối ngành III và VII
8	Nhà thi đấu đa năng	- Khán đài, thiết bị giảng dạy TDDT - Bóng rổ 01 bộ, cầu lông 03 bộ, bóng bàn 05 bộ	- Khối ngành III và VII

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện.

Bảng 1: Số lượng cuốn sách theo các ngành đào tạo

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng (Nhan đề)	Số lượng (Cuốn)
1.	Khối ngành III		
1.1	Hệ thống thông tin quản lý	9,498	74,490
1.2	Kế toán	5,099	39,436
1.3	Luật kinh tế	3,851	29,827
1.4	Quản trị kinh doanh	8,061	58,732
1.5	Tài chính – Ngân hàng	9,686	74,922
	Tổng khối ngành III	36,195	277,407
2.	Khối ngành VII		
2.1	Kinh tế quốc tế	5,516	42,483
2.2	Ngôn ngữ Anh	4,537	36,000
	Tổng khối ngành VII	10,053	78,483

Bảng 2: Thông tin về tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử

TT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	01
2	Số chỗ ngồi	600
3	Số máy tính của thư viện	20
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	A. Số đầu sách phục vụ các ngành đào tạo - Dạng in: Số tựa: 11.277 (Tăng 366 tựa so với năm 2019) Số bản: 68.687 (Tăng 1.542 bản so với năm 2019) <u>Nguồn thống kê:</u> PMQL Thư viện: Mục 130 ngày 14/9/2020. - Dạng điện tử: 451 tựa sách + Tiếng Việt: 413 tựa + Tiếng Anh: 38 tựa <u>Ghi chú:</u> Sách đã mua quyền truy cập. B. Số lượng tạp chí trong nước được kết nối 1. Toàn bộ tạp chí điện tử công bố của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia – NASATI. 2. Toàn bộ tạp chí điện tử của Trung tâm TT-TV ĐHQGHN chia sẻ. C. Số lượng tạp chí ngoài nước được kết nối 1. Toàn bộ tạp chí trong CSDL ProQuest Central: Gồm hơn 24.000 tạp chí chuyên ngành. 2. Toàn bộ tạp chí trong CSDL ScienceDirect (nguồn chia sẻ). D. Số lượng tạp chí phục vụ các ngành đào tạo - Dạng in có 41 tạp chí, bao gồm: 1. Chứng khoán Việt Nam 2. Cộng sản 3. Dân chủ và pháp luật 4. Đầu tư chứng khoán 5. Forum 6. Giáo dục và lý luận 7. Khoa học pháp lý 8. Khoa học và đào tạo ngân hàng 9. Kiểm toán 10. Kinh tế đối ngoại - Trường ĐH Ngoại thương

TT	Tên	Số lượng
		11. Kinh tế và dự báo 12. Kinh tế và Phát triển - Trường ĐH KTQD 13. Luật học 14. Nghiên cứu Châu Âu 15. Nghiên cứu Đông Bắc Á 16. Nghiên cứu Đông Nam Á 17. Nghiên cứu kinh tế 18. Nghiên cứu Quốc tế 19. Ngoại thương 20. Nhà nước và pháp luật 21. Những vấn đề kinh tế thế giới 22. PC World 23. Pháp luật và phát triển/Hội luật gia VN 24. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế & Kinh doanh Châu Á (JABES)- Trường ĐH KT TP.HCM 25. Quản lý kinh tế (CIEM) 26. Quản lý nhà nước 27. Tài chính 28. Tạp chí dạy và học ngày nay 29. Tạp chí Kế toán và kiểm toán 30. Tạp chí nghề luật 31. Thị trường giá cả BĐS và Tài sản 32. Thị trường tài chính tiền tệ 33. Thống kê con số và sự kiện/Tổng cục thống kê 34. Thông tin tài chính 35. Thư viện Việt Nam 36. Thuế nhà nước 37. Tin học ngân hàng 38. Triết học 39. UEH JOURNAL OF (Development) 40. Viet Nam's socio - Economic Development 41. Vietnam Shipper (Chủ hàng Việt Nam) - <i>Dạng điện tử có 26 tạp chí được số hóa tại Thư viện, bao gồm:</i> 1. Asian journal of economics and banking 2. Cộng sản 3. Cộng sản chuyên đề 4. Chứng khoán việt nam 5. Journal of Asian business and economic studies 6. Kế toán và kiểm toán

TT	Tên	Số lượng
		7. Kiểm toán 8. Kinh tế đối ngoại 9. Kinh tế và dự báo 10. Kinh tế và dự báo chuyên đề 11. Kinh tế và ngân hàng châu á 12. Khoa học & đào tạo ngân hàng 13. Luật học 14. Ngân hàng 15. Nghiên cứu kinh tế 16. Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu á 17. Nghiên cứu quốc tế 18. Ngoại thương 19. Nhà nước và pháp luật 20. Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới 21. Quản lý kinh tế 22. Tài chính 23. Tin học ngân hàng 24. Thị trường tài chính tiền tệ 25. Thời báo kinh tế việt nam 26. Triết học
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường.	A. Tổng số thư viện điện tử ở nước ngoài được kết nối với thư viện là 04, bao gồm: 1. Cơ sở dữ liệu sách tiếng Anh Gale Virtual Reference Library: - Địa chỉ truy cập: http://go.galegroup.com 2. Cơ sở dữ liệu Proquest Central - Địa chỉ truy cập: https://db.vista.gov.vn:2071/index?accountid=47774 3. Cơ sở dữ liệu Credo Reference

TT	Tên	Số lượng
		- Địa chỉ truy cập: https://search.credoreference.com/ 4. Cơ sở dữ liệu ScienceDirect - Địa chỉ truy cập: https://www-sciencedirect-com.db.lic.vnu.edu.vn/ B. Tổng số thư viện điện tử ở trong nước được kết nối với thư viện là 05, bao gồm: 1. Thư viện Pháp luật: https://thuvienphapluat.vn/ Website cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam và các dịch vụ hỗ trợ pháp lý. 2. Cơ sở dữ liệu Liên hợp Thư viện Việt Nam về Nguồn tin Khoa học và Công nghệ: Địa chỉ truy cập: http://lhtv.vista.vn/ Bao gồm các CSDL : + Cơ sở dữ liệu Công bố Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Toàn văn về tài liệu KH&CN Việt Nam, do Cục Thông tin KH&CN Quốc gia xây dựng và cập nhật từ năm 1987), KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu (Các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia) ; + Cơ sở dữ liệu Proquest Central (Gồm 25 cơ sở dữ liệu đa ngành, xử lý trên 24.000 tạp chí, trong đó hơn 13.000 tạp chí toàn văn); + Cơ sở dữ liệu Credo Reference (Cho phép truy cập tới hơn 500 bộ dữ liệu toàn văn từ hơn 80 nhà xuất bản uy tín trên thế giới)... 3. Nguồn tin điện tử chia sẻ của Đại học Quốc gia Hà Nội - Địa chỉ truy cập: http://db.lic.vnu.edu.vn:2048/login 4. Cơ sở dữ liệu sách điện tử do Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM cung cấp – Sachweb.vn - Địa chỉ truy cập: https://sachweb.com/ebookthuvien/login.aspx 5. STINET - Mạng Liên kết Thông tin Khoa học và Công nghệ Tp.HCM: Địa chỉ truy cập: http://www.stinet.gov.vn/ Gồm sách, bài trích tạp chí, luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học, cơ sở dữ liệu chuyên gia của các Trường Đại học, Viện, Sở, Ban ngành trên địa bàn Tp.HCM do Sở Khoa học và Công nghệ Tp.HCM chủ trì. Trong đó, Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM là thành viên tham gia đóng góp tài liệu chia sẻ trên hệ thống...

2. Đội ngũ giảng viên

2.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học (tính đến 31/12/2020).

STT	Khối ngành	Mã ngành	GS.TS/ GS. TSKH	PGS.T S/PGS. TSKH	TS/ TSK H	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
I. Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ đại học								
1	Khối ngành III			16	88	118		222
1.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201		11	56	38		105
1.2	Kế toán	7340301			1	26		27
1.3	Quản trị kinh doanh	7340101		2	16	26		44
1.4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405			1	20		21
1.5	Luật kinh tế	7380107		3	13	8		24
2	Khối ngành VII				2	78		80
2.1	Kinh tế quốc tế	7310106			1	54		55
2.2	Ngôn ngữ Anh	7220201			1	24		25
II. Giảng viên cơ hữu môn chung tham gia giảng dạy trình độ đại học								
	Môn chung các ngành				4	52		56
TỔNG CỘNG				16	94	248		357

Phụ lục 1A: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học (tính đến 31/12/2020) – đính kèm.

2.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học (tính đến 31/3/2021).

STT	Khối ngành	Mã ngành	GS.TS/ GS. TSKH	PGS.T S/PGS. TSKH	TS/ TSK H	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
I. Giảng viên cơ hữu ngành tham gia giảng dạy trình độ đại học								
1	Khối ngành III							
1.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201		11	57	38		106
1.2	Kế toán	7340301			2	25		27
1.3	Quản trị kinh doanh	7340101		2	18	26		46
1.4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405			2	20		22

1.5	Luật kinh tế	7380107		3	13	8		24
2	Khối ngành VII							
2.1	Kinh tế quốc tế	7310106			1	53		54
2.2	Ngôn ngữ Anh	7220201			1	24		25
II. Giảng viên cơ hữu môn chung tham gia giảng dạy trình độ đại học								
	Môn chung các ngành				4	52		56
TỔNG CỘNG				16	98	246		360

Phụ lục 1B: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học (tính đến 31/03/2021) – đính kèm.

2.3. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học (tính đến 31/12/2020).

STT	Khối ngành	Mã ngành	GS.TS/ GS.TS KH	PGS.T S/PGS. TSKH	TS/ TSKH	Thạc sĩ	Tổng cộng
1	Khối ngành III						
1.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	1	18	23		42
1.2	Kế toán	7340301			1		1
1.3	Quản trị kinh doanh	7340101		4	5		9
1.4	Hệ thống thông tin quản lý	7340405					
1.5	Luật kinh tế	7380107		1	1		2
2	Khối ngành VII						
2.1	Kinh tế quốc tế	7310106		5	3		8
2.2	Ngôn ngữ Anh	7220201					
TỔNG CỘNG			1	28	33		62

Phụ lục 2: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học (tính đến 31/12/2020) – đính kèm.

III. Các thông tin của năm tuyển sinh 2021

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

1.1. Đối tượng tuyển sinh: Đối tượng xét tuyển đại học chính quy tại Trường là người đáp ứng đủ các tiêu chí sau đây:

- Người đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên); người tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ

THPT của Việt Nam, ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập được Hiệu trưởng trường xem xét (thông qua kiểm tra y tế) quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

Đối với thí sinh thuộc diện xét tốt nghiệp đặc cách năm 2021:

- Thí sinh thuộc diện đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2021 theo danh sách chính thức do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Thí sinh không trúng tuyển các phương thức tuyển sinh khác của Trường;

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- 1.3.1 Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phương thức 1) áp dụng đối với tất cả các chương trình đào tạo.
- 1.3.2 Phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (Phương thức 2) áp dụng cho 1905 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ chuẩn, 500 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ chất lượng cao, 80 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ Quốc tế cấp song bằng.
- 1.3.3 Phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ theo quy chế tuyển sinh của Trường (Phương thức 3) áp dụng cho 545 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ chất lượng cao và 55 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ Quốc tế cấp song bằng.
- 1.3.4 Phương thức xét kết quả thi đánh giá năng lực (Phương thức 4) áp dụng cho 95 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ chuẩn và 100 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ chất lượng cao.
- 1.3.5 Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Phương thức 5) áp dụng 235 chỉ tiêu Chương trình ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng.
- 1.3.6 Phương thức xét kết quả học tập THPT (Phương thức 6) áp dụng 53 chỉ tiêu cho thí sinh thuộc diện xét tốt nghiệp đặc cách năm 2021.

Lưu ý: Chương trình ĐHCQ chuẩn không áp dụng phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ (Phương thức 3).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày tháng năm ban hành số quyết định mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7380107	Luật kinh tế	407/QĐ-BGDĐT	11/02/2014	2014	2020
2	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7933/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	29/12/2003	2004	
3	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/01/2005	2005	
4	7340101	Quản trị kinh doanh	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/01/2005	2005	
5	7220201	Ngôn ngữ Anh	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/01/2005	2005	
6	7340301	Kế toán	1584/QĐ-BGD&ĐT	31/03/2006	2006	
7	7310106	Kinh tế quốc tế	407/QĐ-BGD&ĐT	11/02/2014	2014	

b) *Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

❖ *Đại học chính quy (Phương thức 1,2,3,4)*

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Theo xét KQ thi TN THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1	7340001	Chương trình đại học chính quy chất lượng cao (Thí sinh trúng tuyển được chọn một trong các ngành : Ngành Tài chính-Ngân hàng, Ngành Kế toán, Ngành Quản trị kinh doanh).	500	645	A00		A01		D01		D07	
2	7340002	Chương trình đại học chính quy quốc tế cấp song bằng (Thí sinh trúng tuyển được chọn một trong các ngành : Ngành Quản trị kinh doanh, Ngành Bảo hiểm - Tài chính-Ngân hàng).	80	55	A00		A01		D01		D07	
3	7340201	Tài chính – Ngân hàng	655	21	A00		A01		D01		D07	
4	7340101	Quản trị kinh doanh	260	10	A00		A01		D01		D07	

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Theo xét KQ thi TN THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
5	7340301	Kế toán	210	10	A00		A01		D01		D07	
6	7310106	Kinh tế quốc tế	230	14	A00		A01		D01		D07	
7	7380107	Luật kinh tế	150	10	A00		A01		C00		D01	
8	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	200	14	A00		A01		D01		D07	
9	7220201	Ngôn ngữ Anh (Môn Tiếng Anh nhân hệ số 2)	200	16	A01	N1	D01	N1	D14	N1	D15	N1

❖ *Đại học chính quy Quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng (Phương thức 5)*

STT	Chương trình đào tạo	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển	Số quyết định mở ngành
1	Quản trị kinh doanh (Do ĐH Bolton – Anh Quốc cấp bằng)	235	Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn. (Phương thức 5).	Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020
2	Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng (Do ĐH Toulon - Pháp cấp bằng)			Số 2528/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

1.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

a. Đối với phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phương thức 1): Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại khoản 2, 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 và mục 1.8. *Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển tại Đề án này.*

b. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (Phương thức 2): Tổng điểm xét tuyển áp dụng đối với tất cả các ngành/nhóm ngành/Chương trình đào tạo phải đạt từ 17 điểm trở lên bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Nếu có). Tổng điểm xét tuyển được tính theo công thức tại mục Nguyên tắc xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (Mục 1.7.1).

c. Đối với phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ THPT theo quy chế tuyển sinh của Trường (Phương thức 3), cụ thể:

Đối tượng 1: Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi, Olympic cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương năm lớp 11 hoặc lớp 12; môn dự thi Olympic quốc tế hoặc môn đạt giải có trong các tổ hợp môn quy định cho phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT của ngành/chương trình đăng ký.

Đối tượng 2: Thí sinh có kết quả ở các kỳ thi tiếng Anh quốc tế, đánh giá năng lực quốc tế; Các chứng chỉ và ngưỡng điểm cụ thể như sau:

Bảng danh mục chứng chỉ, kỳ thi đánh giá năng lực quốc tế

STT	Chứng chỉ/Kỳ thi	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào		Ghi chú
1	IELTS	5.0	Kết quả điểm học lực học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên	Thang 9.0
2	TOEFL iBT	47		Thang 120
3	SAT	1200		Thang 1600
4	ACT	27		Thang 36
5	VSTEP	Bậc 4		6 Bậc

* Lưu ý: Các chứng chỉ quốc tế còn thời hạn trong vòng 2 năm tính đến ngày xét tuyển.

Đối tượng 3: Học sinh có kết quả xếp loại học lực học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ loại giỏi trở lên thuộc các trường THPT chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học và các trường chuyên, năng khiếu trực thuộc tỉnh/thành phố.

Đối tượng 4: Học sinh có kết quả điểm học lực học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên, tổng điểm xét tuyển các môn trong tổ hợp xét tuyển từ 20 trở lên bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và khu vực.

d. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM (Phương thức 4): Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2021; có tổng điểm từ

700 trở lên và điểm trung bình học tập HK1, HK2 năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên.

e. Đối với phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Phương thức 5, Áp dụng cho chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng): Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

f. Đối với phương thức xét kết quả học tập THPT (Phương thức 6): Học sinh có kết quả điểm học lực học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên, tổng điểm xét tuyển các môn trong tổ hợp xét tuyển từ 20 trở lên bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và khu vực.

1.5.2. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ tương đương theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố theo từng phương thức tuyển sinh.

- Không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ và điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT để xét tuyển;

- Chi tiết xem tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường:

<http://tuyensinh.buh.edu.vn>

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

a) Phòng Tư vấn tuyển sinh và Phát triển thương hiệu (Chương trình đại học chính quy chuẩn, ĐHCQ chất lượng cao, ĐHCQ quốc tế cấp song bằng, ĐHCQ quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng)

Địa chỉ: Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 38211704 - 028. 38212430

Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: **0888 35 34 88**

Hotline chương trình ĐHCQ chất lượng cao: **090969 1269**

Hotline chương trình ĐHCQ Quốc tế cấp song bằng: **0865118128**

Website: <http://tuyensinh.buh.edu.vn/>

<http://clc.buh.edu.vn> (Chương trình chất lượng cao)

<http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan> (ĐHCQ quốc tế cấp song bằng)

Email: phongtvts@buh.edu.vn

Facebook: [https://www.facebook.com.](https://www.facebook.com.tuyensinhdaihocnganhang)

[tuyensinhdaihocnganhang](https://www.facebook.com.tuyensinhdaihocnganhang)

Youtube: BUH Channel

b) Viện Đào tạo Quốc tế (Chương trình ĐHCQ quốc tế cấp song bằng, ĐHCQ quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng)

Địa chỉ: 39 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 - 38214660

Hotline: 0865 - 118128

Website: <http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan/>

Email: saigonisb.ba@buh.edu.vn

Facebook: @saigonisb.buh

1.6.1. Mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển

Mã số tuyển sinh của Trường: NHS

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Tổ hợp môn (Học bạ và KQ thi TN THPT)	Chỉ tiêu và Phương thức xét tuyển
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO (tuyển sinh theo nhóm ngành) 1. Ngành Tài chính-Ngân hàng (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số) 2. Ngành Kế toán (Chương trình định hướng Digital Accounting) 3. Ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình định hướng E. Business)	7340001	A00, A01, D01, D07	Kết quả thi THPTQG 500
			A00, A01, D01, D07	UTXT & Học bạ 545
			A00, A01, D01, D07	ĐGNL 100
B	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ CẤP SONG BẰNG 1. Ngành Quản trị kinh doanh (do ĐH Bolton (Anh Quốc) và BUH mỗi bên cấp một bằng cử nhân) 2. Ngành Bảo hiểm - Tài chính – Ngân hàng (do ĐH Toulon (Pháp) và BUH mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340002	A00, A01, D01, D07	Kết quả thi THPTQG 80
			A00, A01, D01, D07	UTXT & Học bạ 55
C	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUẨN			
1	Ngành Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D07	Kết quả thi THPTQG 655
				Kết quả thi đánh giá năng lực 21
2	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D07	Kết quả thi THPTQG 260
				Kết quả thi đánh giá năng lực 10
3	Ngành Kế toán	7340301	A00, A01,	Kết quả thi

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Tổ hợp môn (Học bạ và KQ thi TN THPT)	Chỉ tiêu và Phương thức xét tuyển
			D01, D07	THPTQG 210
				Kết quả thi đánh giá năng lực 10
4	Ngành Kinh tế quốc tế	7310106	A00, A01, D01, D07	Kết quả thi THPTQG 230
				Kết quả thi đánh giá năng lực 14
5	Ngành Luật kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	Kết quả thi THPTQG 150
				Kết quả thi đánh giá năng lực 10
6	Ngành Hệ thống thông tin quản lý	7340405	A00, A01, D01, D07	Kết quả thi THPTQG 200
				Kết quả thi đánh giá năng lực 14
7	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D14, D15 Môn tiếng Anh nhân hệ số 2	Kết quả thi THPTQG 200
				Kết quả thi đánh giá năng lực 16
Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy				3280
D	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2528/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020 và Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020)			

TT	Chương trình, Ngành đào tạo	Mã ĐKXT	Tổ hợp môn (Học bạ và KQ thi TN THPT)	Chỉ tiêu và Phương thức xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh (Do ĐH Bolton – Anh Quốc cấp bằng)	Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn.		Chỉ tiêu 235
2	Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng (Do ĐH Toulon - Pháp cấp bằng)			

Ghi chú:

A00: Toán, Vật lý, Hoá học	D07: Toán, Hoá học, Tiếng Anh
A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	

Lưu ý:

- Không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ và điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT quốc gia để xét tuyển đối với phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021;
- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển được nêu cụ thể tại nguyên tắc xét tuyển theo từng phương thức (Mục 1.7.1).
- Nếu xét tuyển theo từng phương thức không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức khác.

1.6.2. Các chương trình đào tạo**1.6.2.1. Chương trình đại học chính quy chất lượng cao:**

Chương trình đào tạo chất lượng cao là chương trình ĐHCQ với các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn Chương trình ĐHCQ chuẩn. Giúp sinh viên chuẩn bị các kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Chương trình ĐHCQ chất lượng cao có các ưu điểm nổi bật bao gồm:

- Chương trình đào tạo tiên tiến, tiếp cận chương trình của các trường đại học quốc tế; nhiều học phần chuyên ngành được giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Nhiều

học phần định hướng ứng dụng công nghệ số: Ngành TCNH định hướng Fintech, Ngành QTKD định hướng E – Business, Ngành Kế toán định hướng Digital – Accounting.

- Sinh viên có cơ hội chuyển tiếp học tập theo mô hình 1+3, 2+2, 3+1; tham gia các chương trình giao lưu văn hóa, trao đổi sinh viên tại các trường đại học nước ngoài uy tín là của đối tác của trường.
- Chương trình được giảng dạy bởi đội ngũ giảng viên xuất sắc, được tuyển chọn của BUH, giảng viên thỉnh giảng nước ngoài và chuyên gia từ các tổ chức tài chính, doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo tiếng Anh theo chuẩn IELTS với 300 tiết miễn phí, giúp sinh viên đủ khả năng học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh và đạt tối thiểu IELTS 5.5 khi ra trường
- Sĩ số lớp giới hạn khoảng 40 người, phương pháp giảng dạy hiện đại mang tính tương tác cao; hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng.
- Chương trình đào tạo kỹ năng mềm miễn phí; Chương trình tham quan, thực hành, kiến tập và thực tập tại các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính
- Ngoài ra, sinh viên chương trình chất lượng cao còn được được thụ hưởng thêm chương trình học bổng riêng, cơ sở vật chất hiện đại, được lựa chọn học tập tại cơ sở Thủ Đức hoặc Quận 1.

Thí sinh đăng ký xét tuyển chung vào chương trình, sau khi trúng tuyển, sinh viên được lựa chọn ngành học (Tài chính Ngân hàng, Kế toán, Quản trị Kinh doanh), được ưu tiên bố trí vào ở Ký túc xá.

Xem thông tin chi tiết về chương trình chất lượng cao tại: www.clc.buh.edu.vn

1.6.2.2. Chương trình đào tạo đại học chính quy quốc tế cấp song bằng:

Chương trình đào tạo gồm 02 ngành:

- **Ngành Quản trị kinh doanh:**

Sinh viên tốt nghiệp được nhận (i) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và (ii) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Bolton (Anh quốc).

- **Ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng :**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng được nhận (i) bằng Cử nhân Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và (ii) bằng Cử nhân Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng của ĐH Toulon (Pháp).

✓ **Ưu điểm của chương trình:**

- Sinh viên tốt nghiệp được nhận 02 bằng cử nhân có giá trị quốc tế và được công nhận bởi Bộ GDĐT Việt Nam.
- Sinh viên được tập trung đào tạo tiếng Anh trong năm học đầu tiên với quy mô lớp từ 10-15 sinh viên, nhằm nhanh chóng đạt trình độ IELTS tối thiểu 5.5 hoặc tương đương.
- Các môn ngành, chuyên ngành được giảng dạy 100% bằng tiếng Anh theo chuẩn chương trình quốc tế bởi giảng viên xuất sắc nhất của BUH, ĐH Bolton và ĐH Toulon.
- Chương trình đào tạo hướng nghiệp, sinh viên được tiếp xúc với các doanh nghiệp ngay từ năm nhất thông qua các hoạt động tham quan doanh nghiệp, trao đổi nói chuyện với các chuyên gia trong lĩnh vực, ...
- Cơ hội chuyển tiếp sang các ĐH đối tác hàng đầu thế giới như ĐH Adelaide (Úc) – Top 1% thế giới, #108 theo QS 2021, #118 theo THE 2021, ĐH Macquarie (Úc) – Top 1% thế giới, #214 theo QS 2021, #195 theo THE 2021, ĐH Griffith (Úc) – Top 1,5% thế giới, #303 theo QS 2021, #201-250 theo THE 2021 ...
- Ngoài học bổng dành cho sinh viên đại học chính quy của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, sinh viên còn có cơ hội nhận học bổng chính phủ các nước (Canada-ASEAN, Irish Aid IDEAS, Eiffel France,...) hoặc học bổng giảm học phí, học bổng tham gia các chương trình hoạt động trao đổi và giao lưu với các trường đại học danh tiếng tại Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Thụy Sĩ, ...
- Địa điểm học tập tại Cơ sở Quận 1 với cơ sở vật chất hiện đại, quy mô lớp học nhỏ.

Thông tin chi tiết xem tại: <http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan/>

1.6.2.3. Chương trình đại học chính quy chuẩn:

Chương trình đại học chính quy chuẩn được xét tuyển riêng theo từng ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học sinh viên sẽ đăng ký lựa chọn chuyên ngành.

Các ngành và chuyên ngành chương trình đại học chính quy (Xem chi tiết tại website: www.tuyensinh.buh.edu.vn).

1.6.2.4. Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng

Chương trình đào tạo gồm 2 ngành: (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2528/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020 và Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020)

- **Quản trị kinh doanh:**

Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Bolton (Anh quốc).

- **Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng :**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng được nhận bằng Cử nhân Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm của ĐH Toulon (Pháp).

- ✓ **Ưu điểm của chương trình:**

- Các văn bằng có giá trị quốc tế và được công nhận bởi Bộ GDĐT Việt Nam.
- Sinh viên được tập trung đào tạo tiếng Anh trong năm học đầu tiên với quy mô lớp từ 10-15 sinh viên, nhằm nhanh chóng đạt trình độ IELTS tối thiểu 5.5 hoặc tương đương.
- Các môn ngành, chuyên ngành được giảng dạy 100% bằng tiếng Anh theo chuẩn chương trình quốc tế bởi giảng viên xuất sắc nhất của BUH, ĐH Bolton và ĐH Toulon.
- Phương pháp giảng dạy hiện đại giúp sinh viên phát huy khả năng sáng tạo, năng lực tự học và phát triển toàn diện các kỹ năng; đồng thời giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc độc lập và tự tin giải quyết vấn đề.
- Cơ hội tuyển thẳng đặc cách vào năm 02 của Chương trình đối với sinh viên đạt chuẩn tiếng Anh theo yêu cầu.
- Cơ hội chuyển tiếp sang các ĐH đối tác hàng đầu thế giới như ĐH Adelaide (Úc) – Top 1% thế giới, #108 theo QS 2021, #118 theo THE 2021, ĐH Macquarie (Úc) – Top 1% thế giới, #214 theo QS 2021, #195 theo THE 2021, ĐH Griffith (Úc) – Top 1,5% thế giới, #303 theo QS 2021, #201-250 theo THE 2021 ...
- Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có cơ hội được chuyển tiếp lên bậc học cao hơn, và nhận bằng Thạc sĩ quốc tế chỉ trong vòng 1 năm.
- Thông tin chi tiết xem tại: <http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan/>

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

STT	Ngành đào tạo/Nhóm ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi
1	Chương trình đại học chính quy chất lượng cao	A00, A01, D01, D07
2	Chương trình đại học chính quy quốc tế cấp song bằng	A00, A01, D01, D07

3	Chương trình đại học chính quy chuẩn	
3.1	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D07
3.2	Kế toán	A00, A01, D01, D07
3.3	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07
3.4	Kinh tế quốc tế	A00, A01, D01, D07
3.5	Hệ thống thông tin quản lý	A00, A01, D01, D07
3.6	Luật Kinh tế	A00, A01, C00, D01
3.7	Ngôn ngữ Anh	A01, D01, D14, D15 (Môn tiếng Anh hệ số 2)
4	Chương trình đại học chính quy quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng	Xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn

1.7.1 Các nguyên tắc xét tuyển đối với các ngành/nhóm ngành/chương trình đào tạo (Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển)

1.7.1.1 Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

Thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, **được thể hiện cụ thể tại mục 1.8.** Chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển tại đề án tuyển sinh của Trường.

1.7.1.2 Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT năm 2021:

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

Được thực hiện theo “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

Điểm xét tuyển bao gồm: Kết quả điểm 3 bài thi/môn thi trong kỳ thi THPT năm 2021 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển cho nhóm ngành/ngành/chương trình đào tạo; điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng của thí sinh (nếu có) được tính căn cứ vào Quy chế tuyển sinh năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng điểm xét tuyển được tính theo công thức:

+ Đối với ngành/nhóm ngành/chương trình không nhân hệ số:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = (M1 + M2 + M3) + \text{Điểm ưu tiên}$$

+ Đối với ngành/nhóm ngành/chương trình có môn/bài thi nhân hệ số 2:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = \frac{(M1 + M2 + M3 \times 2) \times 3}{4} + \text{Điểm ưu tiên}$$

(Điểm xét tuyển được quy về tổng điểm 30, điểm số thập phân làm tròn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo nhóm ngành, ngành (đã trừ số lượng được tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, học sinh dự bị) và danh sách thống kê thí sinh đăng ký xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường xem xét và quyết định phương án điểm trúng tuyển theo nguyên tắc ĐXT từ cao tới thấp;

- Không phân biệt điểm xét trúng tuyển đối với các tổ hợp bài thi/môn thi đăng ký xét tuyển khác nhau của thí sinh vào cùng nhóm ngành hoặc ngành cụ thể;

- Không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp xử lý các thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau theo quy định sau: "Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau trong cùng ngành/nhóm ngành xét tuyển, Trường ưu tiên xét tuyển thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn (điều kiện phụ)".

1.7.1.3 Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển và xét học bạ theo quy chế xét tuyển của Trường (Bao gồm 4 đối tượng xét tuyển: đối tượng 1, đối tượng 2, đối tượng 3, đối tượng 4 quy định tại Mục 1.5.1).

❖ **Nguyên tắc xét tuyển:**

- Xét thứ tự ưu tiên theo đối tượng từ 1 đến 4; các đối tượng được xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu;

- Đối với đối tượng 1: Môn dự thi Olympic quốc tế hoặc môn đạt giải có trong các tổ hợp môn quy định cho phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT của ngành/chương trình đăng ký;

- Đối với đối tượng 2: Thí sinh có kết quả ở các kỳ thi tiếng Anh quốc tế, đánh giá năng lực quốc tế. Ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào của các chứng chỉ được quy định cụ thể tại khoản c mục 1.5.1 (**Bảng danh mục chứng chỉ, kỳ thi đánh giá năng lực quốc tế**) và kết quả điểm học lực học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;

- Đối với đối tượng 3 và 4, Trường xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT 3 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) theo tổ hợp môn đã nêu tại mục 2. Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cộng (3 học kỳ) của từng môn học trong tổ hợp đăng ký xét tuyển theo thang điểm 10 (có quy đổi nếu có môn nhân hệ số), cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Trường áp dụng tiêu

chỉ phụ là điểm trung bình cộng điểm học tập của 3 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12);

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng, các nguyện vọng được xét bình đẳng với nhau giữa các thí sinh; trường hợp thí sinh đủ điểm trúng tuyển 02 nguyện vọng, thí sinh cũng chỉ được xét công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất;

- Phương thức này áp dụng đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT vào các năm 2021, 2020 và 2019.

1.7.1.4 Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng ký tối đa 04 nguyện vọng, các nguyện vọng được xét bình đẳng với nhau; trường hợp thí sinh đủ điểm trúng tuyển nhiều nguyện vọng thí sinh cũng chỉ được công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất;

- Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực; xét từ điểm cao xuống thấp và đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm ưu tiên đối tượng và khu vực được quy đổi theo thang điểm tương ứng.

- Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Trường áp dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình cộng điểm học tập của 3 học kỳ (học kỳ 1, học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12).

1.7.1.5 Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng cho chương trình chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng)

❖ Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét điểm trung bình học tập học kỳ 1, học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12;

- Thí sinh sẽ tham gia phỏng vấn trực tiếp (bằng tiếng Anh và tiếng Việt) với Hội đồng tuyển sinh;

- Thí sinh được tuyển thẳng đặc cách vào học chuyên ngành (năm 2) khi đạt đủ các điều kiện sau:

- ✓ Có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp) như sau: IELTS từ 5.5 trở lên và không có điểm thành phần nào dưới 5.0; hoặc tương đương;

- ✓ Đạt điểm đánh giá của Hội đồng tuyển sinh từ 90% trở lên.

1.7.1.6 Phương thức 6: Phương thức xét tuyển học bạ THPT (Áp dụng cho Thí sinh thuộc diện đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2021 theo danh sách chính thức do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố)

❖ **Nguyên tắc xét tuyển:**

- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT 3 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) theo tổ hợp môn, hệ số các môn được cụ thể Bảng 1 của thông báo này.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cộng (3 học kỳ) của từng môn học trong tổ hợp đăng ký xét tuyển theo thang điểm 10 (có quy đổi nếu có môn nhân hệ số), cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường áp dụng tiêu chí phụ là điểm trung bình cộng điểm học tập của 3 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 02 nguyện vọng, các nguyện vọng được xét bình đẳng với nhau. Trường hợp thí sinh đủ điểm trúng tuyển 02 nguyện vọng thí sinh cũng chỉ được công nhận trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất.

1.7.2 Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển

1.7.2.1 Phương thức 1: Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.7.2.2 Phương thức 2: Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021:

Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.7.2.3 Phương thức 3: Phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ theo quy chế tuyển sinh của Trường:

❖ **Địa điểm nhận hồ sơ :**

Hội đồng tuyển sinh – Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM – Tầng trệt – 36 Tôn Thất Đạm – P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM.

Ngoài bì hồ sơ vui lòng ghi rõ **“Hồ sơ xét tuyển Đại học chính quy”**

❖ **Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển:**

- Đợt 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến theo link đăng ký của Trường và nộp hồ sơ xét tuyển từ ngày **5/4/2021** đến ngày **15/5/2021**. Điều chỉnh nguyện vọng trực tuyến từ ngày **18/5/2021 – 25/5/2021**. Trường thông báo kết quả xét tuyển trước **15/6/2021**; Trường gọi thí sinh xác nhận nhập học theo đúng thời gian quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Đợt 2: Theo thông báo của Trường (Nếu có).

Ghi chú: Thời gian tính theo dấu bưu điện.

❖ Hồ sơ xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến thành công, thí sinh in phiếu đăng ký và ký tên lên phiếu);
- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (bản photo chứng thực)
- Chứng nhận đối tượng ưu tiên (bản photo chứng thực) (nếu có)
- Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (bản photo chứng thực) (nếu có)
- Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi, kỳ thi Olympic, Quốc gia, cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương (bản photo chứng thực) (nếu có)

Trường hợp thí sinh chưa tốt nghiệp THPT:

Nộp học bạ hoặc phiếu điểm có kết quả học tập của 3 học kỳ: Học kỳ 1, Học kỳ 2 lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12 (bản photo công chứng), có xác nhận của trường THPT. Trường sẽ yêu cầu thí sinh nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và học bạ đầy đủ 3 năm học THPT (bản photo chứng thực) và các hồ sơ khác theo quy định vào thời điểm trúng tuyển và làm thủ tục xác nhận nhập học.

Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp THPT:

Nộp bằng tốt nghiệp THPT và học bạ đầy đủ 3 năm học THPT (bản photo chứng thực)

(*) Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ và thông tin đã cung cấp cho Trường.

Thí sinh đồng thời phải scan và tải (upload) các file hồ sơ lên hệ thống trước khi đăng ký.

Các chứng chỉ quốc tế còn thời hạn trong vòng 2 năm tính đến ngày xét tuyển.

1.7.2.4 Phương thức 4: Phương thức xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM:

❖ **Địa điểm nhận hồ sơ:**

(Tương tự như **Mục 1.7.2.3** phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ)

❖ **Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển:**

- Đợt 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến theo link đăng ký của Trường và nộp hồ sơ xét tuyển từ ngày **5/4/2021** đến ngày **15/5/2021**. Điều chỉnh nguyện vọng trực tuyến từ ngày **18/5/2021 – 25/5/2021**. Trường thông báo kết quả xét tuyển trước **15/6/2021**; Trường gọi thí sinh xác nhận nhập học theo đúng thời gian quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

- Đợt 2: Theo thông báo của Trường (nếu có).

❖ **Hồ sơ gồm có:**

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến thành công, thí sinh in phiếu đăng ký và ký tên lên phiếu);

- Học bạ nguyên cuốn (bản photo chứng thực), trường hợp chưa có học bạ thí sinh nộp bảng điểm có xác nhận của trường kèm theo giấy cam kết bổ sung học bạ bản photo chứng thực;

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (bản photo chứng thực)

1.7.2.5 Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng đối với Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng)

❖ **Địa điểm nhận hồ sơ:**

- Phòng Tuyển sinh quốc tế - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM - Tầng trệt – 39 Hàm Nghi – P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM.

Ngoài bì hồ sơ vui lòng ghi rõ **“Hồ sơ xét tuyển Cử nhân quốc tế”**

❖ **Các đợt nộp hồ sơ xét tuyển:**

STT	Đợt nộp hồ sơ	Thời gian	Công bố kết quả
1	Đợt 1	1/3 đến 31/5	Công bố kết quả hàng tháng theo từng đợt nộp hồ sơ
2	Đợt 2	1/6 đến 30/6	
3	Đợt 3	1/7 đến 10/7	
4	Đợt 4	11/7 đến 20/7	
5	Đợt 5	21/7 đến 31/7	
6	Đợt 6	1/8 đến 10/8	

❖ **Hồ sơ gồm có:**

- Đơn dự tuyển (Nhận trực tiếp tại **Phòng tuyển sinh quốc tế** - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM hoặc download Đơn tại website: <http://bit.do/buhibp>);

- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (01 bản tiếng Việt có công chứng và 01 bản tiếng Anh có công chứng);

- Học bạ nguyên cuốn (01 bản tiếng Việt có công chứng và 01 bản tiếng Anh có công chứng), trường hợp chưa có học bạ thí sinh nộp bằng điểm có xác nhận của Trường kèm theo giấy cam kết bổ sung học bạ bản photo chứng thực;

- Chứng chỉ tiếng Anh (Nếu có);

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (01 bản tiếng Việt có công chứng);

- 04 tấm hình 3x4 (Hình thẻ chụp không quá 06 tháng)

1.7.2.6 Phương thức 6: Phương thức xét tuyển học bạ THPT theo quy chế tuyển sinh của Trường:

❖ Hình thức :

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: xettuyen.buh.edu.vn

- Đồng thời upload file hồ sơ tại đây: <https://forms.gle/4Q4acfZL44sBxYu36>

❖ Thời hạn nộp hồ sơ xét tuyển:

- Thời hạn đăng ký trực tuyến và upload file hồ sơ: Từ ngày 16/8/2021 - 17 giờ 00 ngày 7/9/2021

- Thời hạn công bố kết quả dự kiến: Trước ngày 16/9/2021

❖ Hồ sơ xét tuyển gồm có:

- Bản scan Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân

- Bản scan Học bạ hoặc phiếu điểm có kết quả học tập của 3 học kỳ: Học kỳ 1, Học kỳ 2 lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12.

- Bản scan các giấy tờ chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

Thí sinh nén các hồ sơ vào chung 1 file, đặt tên file : số CMND_Tên Thí sinh_HSDC

() Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ và thông tin đã cung cấp cho Trường.*

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Chính sách xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được thực hiện theo “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh

trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7). Cụ thể:

Đối tượng	Nhóm ngành/ngành đào tạo	Tiêu chí	Chỉ tiêu
XÉT TUYỂN THĂNG			
1. Điểm a, Khoản 2	Tất cả các ngành		Không hạn chế
2. Điểm b, Khoản 2	Tất cả các ngành	Căn cứ kết quả trúng tuyển không quá 3 năm trước đó	
3. Điểm c và e, Khoản 2	Ngôn ngữ Anh	Môn thi Tiếng Anh	
	Hệ thống thông tin quản lý	Môn thi tin học	
4. Điểm g, Khoản 2	Tất cả các ngành	Xếp loại học sinh giỏi 3 năm THPT dành cho người khuyết tật.	
5. Điểm h, Khoản 2	Tất cả các ngành	- Xếp loại học sinh giỏi 3 năm THPT dành cho người nước ngoài. - Đạt yêu cầu kiểm tra thực hành tiếng Việt.	
6. Điểm i, Khoản 2	Tất cả các ngành	Học bổ sung kiến thức văn hóa 1 năm tại các trường dự bị đại học và đạt yêu cầu.	
ƯU TIÊN XÉT TUYỂN			
7. Điểm a, Khoản 3	Ngôn ngữ Anh	Môn thi Tiếng Anh	Không hạn chế
	Hệ thống thông tin quản lý	Môn thi tin học	

Thí sinh thực hiện các thủ tục để được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

1.9.1 Đối với phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Lệ phí xét tuyển: 25.000 đ/Nguyên vọng đăng ký

1.9.2 Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021:

❖ **Lệ phí xét tuyển và cách nộp lệ phí :**

- Lệ phí xét tuyển: 25.000 đ/Nguyên vọng đăng ký
- Cách nộp lệ phí: Thí sinh nộp lệ phí khi đăng ký thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học dựa trên kết quả thi THPT tại trường THPT nơi thí sinh đang học hoặc địa điểm do Sở Giáo dục Đào tạo quy định (Đối với thí sinh tự do).

1.9.3 Đối với phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ theo quy chế tuyển sinh của Trường:

❖ **Lệ phí xét tuyển và hình thức nộp hồ sơ**

Lệ phí xét tuyển : 100.000 đồng/nguyên vọng

Cách nộp lệ phí:

+ **Cách 1:** Nộp trực tiếp tại phòng Tài chính Kế toán Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở 36 Tôn Thất Đạm Quận 1

+ **Cách 2:** Chuyển khoản (Thông qua các ngân hàng thương mại hoặc thí sinh liên hệ tại bưu điện nơi nộp hồ sơ để được hướng dẫn hỗ trợ.

Chủ tài khoản: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 1111.000.000.4541

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức

Nội dung: Thí sinh ghi rõ nội dung nộp với cú pháp “HỌ VÀ TÊN – NGÀY SINH – SỐ ĐIỆN THOẠI – SỐ NGUYÊN VỌNG XÉT TUYỂN”. Ví dụ ; NGUYỄN VĂN A – 25/07/2002 – 0903055286 – 2 NV

- Thí sinh có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí xét tuyển (đối với phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ) theo mốc thời gian nộp hồ sơ.
- Trường không hoàn trả lại khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định của Trường.

1.9.4 Đối với phương thức xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM:

❖ **Lệ phí xét tuyển và hình thức nộp hồ sơ**

(Tương tự như quy định tại mục 1.9.3 áp dụng cho phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ)

1.9.5 Đối với phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng đối với Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng)

❖ Lệ phí và hình thức nộp lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển : 500.000 đồng/hồ sơ
- Cách nộp lệ phí: Nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh quốc tế - Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, cơ sở 39 Hàm Nghi, Quận 1.

1.9.6 Đối với phương thức xét tuyển học bạ THPT (Áp dụng cho Thí sinh thuộc diện đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2021 theo danh sách chính thức do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố)

- Lệ phí xét tuyển : 100.000 đồng/nguyên vọng
- Cách nộp lệ phí: Chuyển khoản (Thông qua các ngân hàng thương mại hoặc thí sinh liên hệ tại bưu điện nơi nộp hồ sơ để được hướng dẫn hỗ trợ.
 - + Chủ tài khoản: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Số tài khoản: 1111.000.000.4541
 - + Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thủ Đức
 - + Nội dung: Thí sinh ghi rõ nội dung nộp với cú pháp “HỌ VÀ TÊN – NGÀY SINH – SỐ ĐIỆN THOẠI – SỐ NGUYÊN VỌNG XÉT TUYỂN”. Ví dụ ;
NGUYỄN VĂN A – 25/07/2002 – 0903055286 – 2 NV
- Thí sinh có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí xét tuyển (đối với phương thức ưu tiên xét tuyển và xét học bạ) theo mốc thời gian nộp hồ sơ.
- Trường không hoàn trả lại khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định của Trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Học phí Chương trình Đại học chính quy: 4.900.000 đ/học kỳ (Năm học 2020 – 2021)
- Học phí Chương trình Đại học chính quy chất lượng cao: 16.750.000 đ/học kỳ (Năm học 2020 – 2021)
- Học phí Chương trình Đại học chính quy quốc tế cấp song bằng và học phí chương trình liên kết đào tạo quốc tế do Đại học đối tác cấp bằng như sau:
 - ✓ Tổng học phí tối đa: 212,5 triệu đồng/Toàn khóa học (Đã bao gồm học phí tiếng Anh, chương trình chính khóa, kỹ năng mềm, ...).

✓ Sinh viên học 8 học kỳ: học phí trung bình 26.500.000 đ/học kỳ.

✓ Học phí được tính theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học trên mỗi học kỳ và ổn định trong toàn khóa học.

✓ **Đối với hệ đại học chính quy:**

Lộ trình tăng học phí theo quy định Nhà Nước.

✓ **Đối với hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao:**

Học phí 16.000.000 đ/học kỳ (Năm học 2019 – 2020). Lộ trình dự kiến mức học phí hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2022 – 2023 như sau: Đvt: đồng

Học phí Năm học 2019-2020	Học phí Năm học 2020-2021	Học phí Năm học 2021-2022	Học phí Năm học 2022-2023
32.000.000	33.500.000	34.000.000	35.000.000

✓ **Đối với hệ đại học chính quy chương trình quốc tế cấp song bằng:**

Tổng học phí toàn khóa học (bao gồm Học phí các môn học chính khóa, tiếng anh tăng cường, kỹ năng mềm) là 212.500.000 đ/toàn khóa, tương đương 26.500.000 đ/học kỳ. Học phí này dự kiến không đổi cho toàn khóa học.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...

Tuyển sinh đối với thí sinh thuộc diện đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2021

1.11.1. Chỉ tiêu tuyển sinh được bổ sung dành cho các thí sinh thuộc diện xét tốt nghiệp đặc cách của trường.

	Số lượng	Tỷ lệ
Chỉ tiêu bổ sung	53	1.6%

Bảng 1: Chỉ tiêu thí sinh thuộc diện xét tốt nghiệp đặc cách

1.11.2. Chỉ tiêu phân bổ theo Ngành/Chương trình đào tạo:

	Ngành	Chỉ tiêu
1	Đại học chính quy chất lượng cao	25

	Ngành	Chỉ tiêu
2	Đại học chính quy quốc tế song bằng	10
3	Tài chính – Ngân hàng	4
4	Quản trị kinh doanh	4
5	Hệ thống thông tin quản lý	4
6	Kinh tế quốc tế	3
7	Kế toán	1
8	Ngôn Ngữ Anh	1
9	Luật kinh tế	1
	Tổng	53

Bảng 2: Phân bổ chỉ tiêu thí sinh thuộc diện xét tốt nghiệp đặc cách vào các ngành/chương trình đào tạo

1.11.3. Phương thức xét tuyển:

Phương thức xét kết quả học tập THPT (Phương thức 6) áp dụng 53 chỉ tiêu cho thí sinh thuộc diện xét tốt nghiệp đặc cách năm 2021.

1.11.4. Kế hoạch xét tuyển

Các mốc thời gian xét tuyển thí sinh đặc cách tốt nghiệp THPT như sau:

Nội dung	Thời gian
Thông báo tuyển sinh	12/8/2021
Đăng ký trực tuyến và nộp hồ sơ	Từ ngày 16/8/2021 - 17 giờ 00 ngày 7/9/2021
Công bố kết quả dự kiến	16/9/2021

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/Công nghệ thông tin trình độ đại học.

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2020

STT	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp			Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
		ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III	2750		2837		2050		98.87	
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII	500		540		408		97.65	
	Tổng	3250		3377		2458		98	

1.13.2. Năm tuyển sinh 2019

STT	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
		ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III	2420		2498		1468		96.77	
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII	680		665		148		94.81	
	Tổng	3100		3163		1616		95.37	

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (gồm Ngân sách nhà nước cấp): 312.431 triệu đồng
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh. 14.000.000đ/ năm

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu:

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gian thi hành án;
- Đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông, Bổ túc Trung học Phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung học Nghề, Cao đẳng, Đại học.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) Quốc gia từ năm 2015 - 2021.

- Tổ hợp môn xét tuyển: có 6 tổ hợp xét tuyển (áp dụng cho tất cả các ngành tuyển sinh):

Tổ hợp 1: Toán – Vật lý – Hóa học (A00)	Tổ hợp 4: Toán - Văn - Vật lý (C01)
Tổ hợp 2: Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01)	Tổ hợp 5: Toán - Văn - Hóa học (C02)
Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07)	Tổ hợp 6: Toán - Văn - Tiếng Anh (D01)

- Xét tuyển theo kết quả học tập bậc trung học phổ thông căn cứ vào học bạ. Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT có tổng điểm trung bình 3 môn học của lớp 12 thuộc một trong các tổ hợp môn xét tuyển nêu trên.

Không phân biệt phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia hay căn cứ vào bạ THPT.

Điểm xét tuyển = Tổng điểm theo tổ hợp môn xét tuyển + điểm ưu tiên

(Điểm ưu tiên trong tuyển sinh: Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340201	Tài chính - Ngân hàng	90	8159/QĐ-BGD&ĐT	26/12/2007	Bộ GD&ĐT	
2	7340301	Kế toán	90	8159/QĐ-BGD&ĐT	26/12/2007	Bộ GD&ĐT	
		Tổng	180				

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:*

Đã tốt nghiệp THPT, các môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 5.0 trở lên.

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

Mã số trường: NHS

Mã số ngành: Tài chính - Ngân hàng: 7340201

Kế toán: 7340301

Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D07, C01, C02, D01

Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; điểm môn Toán sử dụng làm điều kiện phụ trong xét tuyển.

2.7. *Tổ chức tuyển sinh:*

- Thời gian: đợt tháng 5/2021 và đợt tháng 10/2021;
- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: trực tiếp và qua bưu điện;
- Hồ sơ xét tuyển: Phiếu đăng ký xét tuyển; bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời, học bạ THPT, giấy CMND hoặc căn cước công dân, giấy khai sinh, giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)...
- Xét tuyển dựa trên tổng điểm các tổ hợp nêu trên và cộng điểm ưu tiên (nếu có);
- Xét trúng tuyển theo ngành và tổng điểm từ trên xuống trong phạm vi chỉ tiêu.

2.8. *Chính sách ưu tiên:*

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 500.000đ/hồ sơ.*

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên: Ngành Tài chính - ngân hàng 569.000đ/tín chỉ; ngành Kế toán 564.000đ/tín chỉ.

3. Tuyển sinh Liên thông đại học vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu:

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gian thi hành án;
- Đã tốt nghiệp Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng Nghề.

3.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước

3.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Xét tuyển theo điểm trung bình toàn khóa bậc học Cao đẳng;
- Xét trúng tuyển theo ĐXT từ cao xuống thấp đến mức điểm đảm bảo đủ chỉ tiêu;
- Điểm chuẩn trúng tuyển căn cứ cho từng ngành xét tuyển dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển vào trường.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan thẩm quyền cho phép/trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	60	8159/QĐ-BGD&ĐT	26/12/2007	Bộ GD&ĐT	2012
2	Đại học	7340301	Kế toán	60	8159/QĐ-BGD&ĐT	26/12/2007	Bộ GD&ĐT	2013
			Tổng	120				

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:

Đã tốt nghiệp Cao đẳng.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Mã số trường: NHS

Mã số ngành: Tài chính - Ngân hàng: 7340201

Kế toán: 7340301

Quản trị kinh doanh: 7340101

3.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian: đợt tháng 5/2021 và đợt tháng 10/2021;
- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: trực tiếp và qua bưu điện.

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 500.000đ/hồ sơ.

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên: 14.700.000đ/năm.

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

Thí sinh trúng tuyển được bảo lưu và chuyển điểm các môn học bậc Cao đẳng theo quy định hiện hành.

4. Tuyển sinh trình độ đại học vừa làm vừa học đối với người có bằng đại học (văn bằng 2)

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu:

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gian thi hành án;
- Đã tốt nghiệp Đại học (hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học, hệ đào tạo từ xa) không phân biệt nhóm ngành và trường đào tạo.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Xét tuyển theo điểm trung bình toàn khóa đại học văn bằng 1;
- Xét trúng tuyển theo ĐXT từ cao xuống thấp đến mức điểm đảm bảo đủ chỉ tiêu;
- Điểm chuẩn trúng tuyển căn cứ cho từng ngành xét tuyển dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển vào trường.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo bằng tốt nghiệp đại học thứ hai	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan thẩm quyền cho phép/trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	8159/QĐ-BGD&ĐT	26/12/2007	Bộ GD&ĐT	2014

2	7340301	Kế toán	100	8159/QĐ-BGD&ĐT	26/12/2007	Bộ GD&ĐT	2014
3	7220201	Ngôn ngữ Anh	150	318/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/01/2005	Bộ GD&ĐT	2014
4	7380107	Luật Kinh tế	100	407/QĐ-BGDĐT	11/02/2014	Bộ GD&ĐT	2014
		Tổng	450				

4.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:*

Đã tốt nghiệp Đại học.

4.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

Mã số trường: NHS

Mã số ngành: Tài chính - Ngân hàng: 7340201

Kế toán: 7340301

Ngôn ngữ Anh: 7220201

Luật kinh tế: 7380107.

4.7. *Tổ chức tuyển sinh:*

- Thời gian: đợt tháng 5/2021 và đợt tháng 10/2021;

- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: trực tiếp và qua bưu điện

4.8. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 500.000đ/hồ sơ.*

4.9. *Học phí dự kiến:* Ngành Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế: 402.000đ/tín chỉ; ngành Tài chính – ngân hàng, Kế toán: 14.700.000đ/năm.

4.10. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)./.*

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HĐQT



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH
Bùi Hữu Toàn